UHY Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

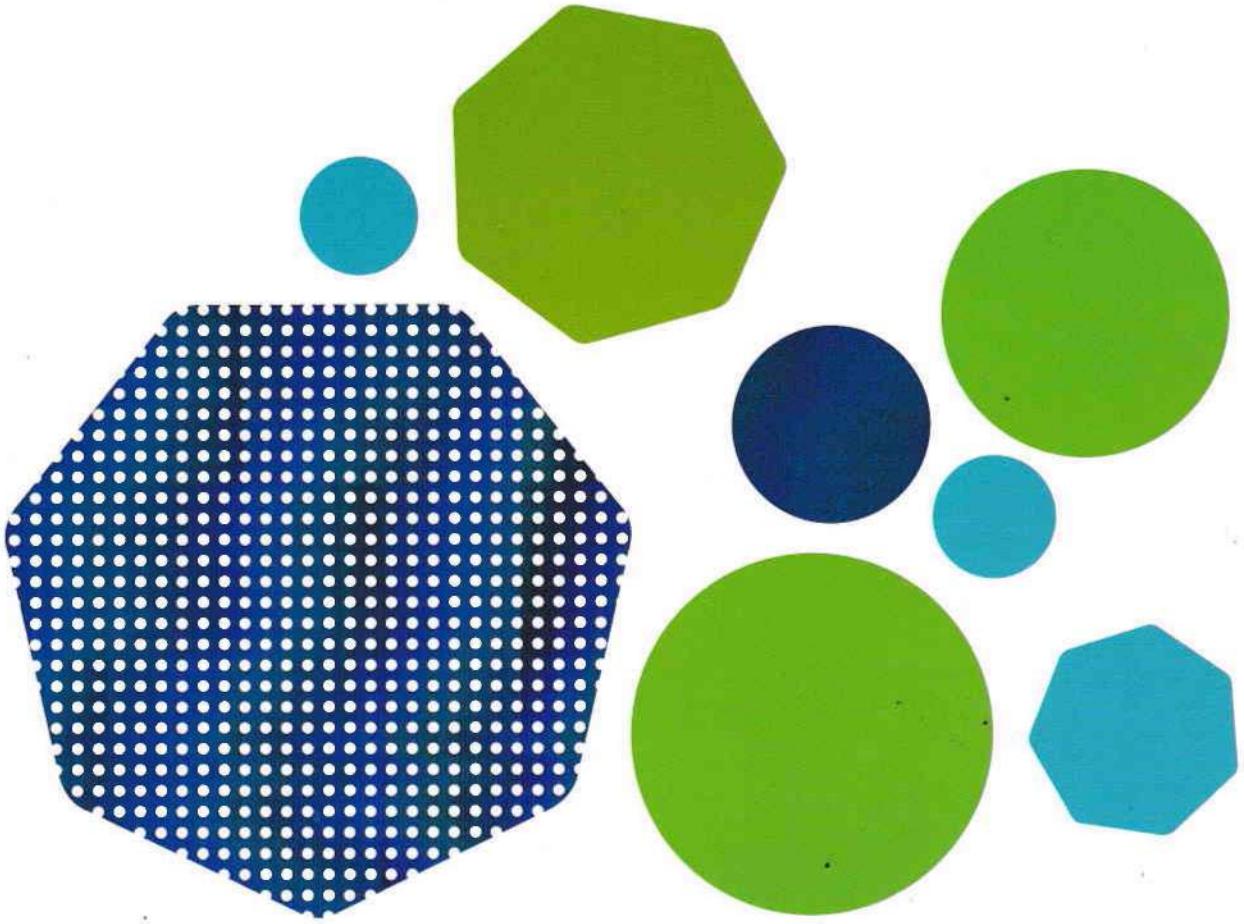

Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

Giúp Khách hàng phát triển thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
DN: C=VN, L=HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102382580, E=HONGNGOCEVN@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.08.22 10:06:33+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2023

Tháng 8 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Thành viên
Ông Dương Quang Đông	Thành viên
Bà Vương Bảo Yến	Thành viên
Bà Trần Thúy Loan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Dương Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật của Công ty là Ông Phạm Huy Thành.
Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 09/01/2023, Kế toán trưởng của Công ty là Bà Phan Thị Trà Giang. Từ ngày 10/01/2023, Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Tuyết.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0102382580 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Phạm Huy Thành
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Số: 394 /2023/UHY-HN/BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 49 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Đặng Minh Đức
Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**996.098.206.688**	**1.106.309.228.983**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**75.289.048.302**	**66.509.616.064**
Tiền	111		75.289.048.302	66.509.616.064
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**1.100.000.000**	**106.100.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.100.000.000	106.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**564.766.860.856**	**602.056.075.043**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	288.525.010.821	397.913.147.216
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	146.212.614.282	192.484.861.635
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	130.090.519.253	13.637.847.764
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.283.500)	(1.979.781.572)
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**348.768.207.040**	**330.536.190.673**
Hàng tồn kho	141		348.768.207.040	330.536.190.673
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.174.090.490**	**1.107.347.203**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	77.216.189	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.096.874.301	1.107.347.203
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**386.458.838.895**	**345.293.656.780**
Tài sản cố định	**220**		**41.907.751.834**	**47.294.717.986**
Tài sản cố định hữu hình	221	13	41.746.905.382	47.107.159.534
- Nguyên giá	*222*		*86.024.860.391*	*86.024.860.391*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(44.277.955.009)*	*(38.917.700.857)*
Tài sản cố định vô hình	227	12	160.846.452	187.558.452
- Nguyên giá	*228*		*200.340.000*	*200.340.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(39.493.548)*	*(12.781.548)*
Bất động sản đầu tư	**230**	**14**	**48.799.477.316**	**-**
- Nguyên giá	231		48.806.255.963	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(6.778.647)	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**7.617.231.028**	**7.617.231.028**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	7.617.231.028	7.617.231.028
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**281.625.721.285**	**281.625.721.285**
Đầu tư vào công ty con	251		7.625.721.285	7.625.721.285
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		274.000.000.000	274.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.508.657.432**	**8.755.986.481**
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.508.657.432	8.755.986.481
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.382.557.045.583**	**1.451.602.885.763**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**62.844.860.716**	**136.758.084.764**
Nợ ngắn hạn	**310**		**61.708.135.716**	**135.788.709.764**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	-	29.724.464.940
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	8.880.169.804	12.953.521.170
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.536.976.580	23.224.572.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	284.753.426
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		300.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	13.028.736.562	13.019.923.791
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	35.547.633.304	55.171.133.308
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.414.619.466	1.410.340.676
Nợ dài hạn	**330**		**1.136.725.000**	**969.375.000**
Phải trả dài hạn khác	337	19	400.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	736.725.000	969.375.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.319.712.184.867**	**1.314.844.800.999**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**1.319.712.184.867**	**1.314.844.800.999**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.202.185.400.000	1.202.185.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.202.185.400.000*	*1.202.185.400.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		(238.202.140)	(238.202.140)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.423.689.821	5.410.853.447
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.341.297.186	107.486.749.692
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*103.469.634.528*	*7.224.431.459*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*5.871.662.658*	*100.262.318.233*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.382.557.045.583**	**1.451.602.885.763**

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Quyên	Nguyễn Thị Tuyết	Phạm Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**274.408.891.138**	**564.069.754.458**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**274.408.891.138**	**564.069.754.458**
Giá vốn hàng bán	**11**	**22**	**263.013.172.232**	**503.488.300.960**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**11.395.718.906**	**60.581.453.498**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.348.167.478	6.859.657.619
Chi phí tài chính	22	24	1.740.044.478	609.782.426
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.740.044.478*	*609.782.426*
Chi phí bán hàng	25	25	382.493.712	288.966.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.216.239.378	3.711.667.408
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**7.405.108.816**	**62.830.695.128**
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	26	1.538	105.158.482
Lợi nhuận khác	**40**		**(1.538)**	**(105.158.482)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**7.405.107.278**	**62.725.536.646**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.533.444.620	12.616.161.883
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**5.871.662.658**	**50.109.374.763**

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Quyên	Nguyễn Thị Tuyết	Phạm Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**1**		**7.405.107.278**	**62.725.536.646**
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.393.744.799	5.370.476.393
Các khoản dự phòng	03		(1.918.498.072)	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.348.167.478)	(6.859.657.619)
Chi phí lãi vay	06		1.740.044.478	609.782.426
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***11.272.231.005***	***61.846.137.846***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.294.560.193	(362.301.563.962)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.232.016.367)	(67.964.301.048)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(76.309.087.536)	(11.130.452.026)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.170.112.860	1.281.680.947
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.844.797.904)	(609.782.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.224.572.455)	(18.550.942.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(75.873.570.204)***	***(397.429.223.136)***
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.762.640.000)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(75.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		105.000.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	18.760.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.271.792.446	1.499.657.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***104.509.152.446***	***(54.740.342.381)***
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	399.867.592.593
Tiền thu từ đi vay	33		35.000.000.000	24.651.800.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.856.150.004)	(27.297.950.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(19.856.150.004)***	***397.221.442.589***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**8.779.432.238**	**(54.948.122.928)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**4**	**66.509.616.064**	**137.343.975.299**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**4**	**75.289.048.302**	**82.395.852.371**

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Quyên	Nguyễn Thị Tuyết	Phạm Huy Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG, (sau đây được gọi là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102382580 ngày 23/02/2009, đã đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 17/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại: Số 9 Ngách 61/4 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy của Công ty đặt tại: Xóm Ao Kềnh, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 1.202.185.400.000 đồng chia thành 120.218.540 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.

Ngày 28/3/2015, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 690/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết 8.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 28/3/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 10/GCN-UBCK về việc cho Công ty Cổ phần tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 12.800.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 6/9/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 1.040.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 20/11/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 732/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 20.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 4/5/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 187/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết 1.255.200 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 13/11/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết 25.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 24/9/2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 2974/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 2.154.565 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 17/11/2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 3419/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 2.105.513 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Ngày 6/7/2022 tháng 07 năm 2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 2250/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 40.000.000 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 14/11/2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 3276/TB-SGDHN về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 7.863.262 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 45 người (tại ngày 30/06/2022 là 24 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng, đèn trang trí, sản xuất đồ điện gia dụng;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong nhà;
- Kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại, đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định).

- Xây dựng nhà các loại;

- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và các công trình đô thị nhóm B,C; Xây dựng công trình giao thông thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình dây trạm biến áp thế điện 35kw.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây dựng, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản;

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con; Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty TNHH Đầu tư MBG-Confitech	80%	80%	Kinh doanh bất động sản, các dịch vụ về bất động sản
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	40 %	40 %	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	48%	48%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt	40%	40%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	20%	20%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	48%	48%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

(i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;

(ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

(iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

(iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính riêng của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là: quyền sử dụng đất, nhà do người chủ sở hữu nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Tiền mặt	1.569.608.301	865.047.437
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.719.440.001	65.644.568.627
Cộng	**75.289.048.302**	**66.509.616.064**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	**1.100.000.000**	**1.100.000.000**	**106.100.000.000**	**106.100.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.100.000.000	1.100.000.000	106.100.000.000	106.100.000.000
Cộng	**1.100.000.000**	**1.100.000.000**	**106.100.000.000**	**106.100.000.000**

(*) Khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng tiền gửi số 48979.22.051.1970764.TG.DN ký ngày 18/10/2022. Kỳ hạn gửi: 12 tháng. Lãi suất: 7%/ năm.

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con	**7.625.721.285**	-	(*)	**7.625.721.285**	-	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư MBG – Confitech (1)	7.625.721.285	-	(*)	7.625.721.285	-	(*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**274.000.000.000**	-	(*)	**274.000.000.000**	-	(*)
- Công ty Cổ phần Vcado Global (2)	48.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần MBG Lạc sanh Phú Yên (3)	48.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Zone Việt (4)	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung (5)	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Green Island (6)	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên (7)	48.000.000.000	-	(*)	48.000.000.000	-	(*)
Cộng	**281.625.721.285**	-	(*)	**281.625.721.285**	-	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp)

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2023. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH Đầu tư MBG - Confitech	Số nhà 2834 Khu 4B, Đường Hùng Vương, Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	80%	80%	Kinh doanh bất động sản, các dịch vụ về bất động sản;
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Số SH2A - SP.2A-35, Đường San Hô 2A, KĐT Vinhomes Oceanpark, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	40%	40%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	48%	48%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Cụm Đồi Vàng, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	40%	40%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Lô D12, một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	Xóm mới, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình	20%	20%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	48%	48%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp)

(1) Công ty TNHH Đầu tư MBG - CONFITECH

Theo Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư "Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba" và căn cứ vào Quyết định 442/QĐ-UBND ngày 01/02/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ chủ trương chấp thuận Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG và Công ty Cổ phần Constrexim số 1 (Confitech) là Chủ đầu tư thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 2302/2022/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/02/2022 về việc Ký hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Constrexim số 1 (Confitech) để thực hiện "Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ".

- Theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 2004/QĐ-HĐQT về việc góp vốn và chị định người quản lý phần vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư MBG - Confitech, số tiền góp vốn là 113.600.000.000 đồng tương đương 80% vốn điều lệ.

- Theo quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án "Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba"

Hiện tại, Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn, Huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng kết cấu hạ tầng với Sở Xây dựng đồng thời đang thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án theo quyết định số: 540/TTg-NN ngày 13 tháng 06 năm 2023 của thủ tướng chính phủ.

(2) Công.ty CP VCADO GLOBAL

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Vcado Global) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ.
- Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 đồng, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global là 120.000.000.000 đồng.
- Hiện tại Công ty Cổ phần Vcado Global đã hoàn thành đầu tư cơ sở vật chất cho sàn giao dịch Bất động sản. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ, phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử, kinh doanh bất động sản.

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp)

(3) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên

- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.
- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.
- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 đồng để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 đồng lên 24.000.000.000 đồng, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.
- Theo Quyết định Hội đồng Quản trị số 0812/QĐ-HĐQT ngày 08/12/2022 về việc mua thêm 2.400.000 cổ phần tương ứng số tiền 24.000.000.000 đồng. Tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 48% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạch sanh Phú Yên.
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số 1414/QĐ-UBND Tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh" với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt.
- Ngày 28/04/2023, Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã ký hợp đồng thuê môi trường rừng số 26/2023/HĐ-TMTR-BQL với Ban Quản lý rừng Phòng hộ Tây Hòa để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng sản xuất.
- Đến thời điểm hiện tại Công ty đang thực hiện đền bù đất cho dự án và đã hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng 90% đất thực hiện dự án. Ngoài ra Công ty đang trình phê duyệt nhiệm vụ 1/500 và các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Huy Thành.

(4) Công ty Cổ phần Zone Việt

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần MBG Hòa Bình (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Zone Việt) số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.
- Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ và đang trong giai đoạn nghiên cứu thực hiện dự án tại Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp)

(5) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.
- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án: "Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1" theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng...
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 121101/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/11/2019 về việc chào bán phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng.
-Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 091201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000.000 đồng vốn góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.
- Theo quyết định số 90/QĐ-BQLKKT ngày 02 tháng 08 năm 2021 UBND Tỉnh phú Yên, BQL tỉnh Phú Yên về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án: "Nhà máy lắp ráp thiết bị điện" đã được Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên chấp thuận tại Quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 V/v điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: "Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1" của Công ty với nội dung điều chỉnh dự án đầu tư: "Lắp ráp thiết bị chiếu sáng led, lắp ráp tấm pin mặt trời; lắp ráp pin tĩnh điện năng lượng mặt trời".
- Hiện tại Công ty đã triển khai khởi công xây dựng nhà máy và đang hoàn thành công tác xây dựng, đầu tư nhà máy.

(6) Công ty Cổ phần Green Island

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hoà Bình chủ trương cho Công ty CP Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án: "Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island" tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, UBND tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình. Với tổng mức đầu tư 824.539.000.000 đồng. Công ty đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Từ Liêm cam kết cấp tín dụng số GI21BE9743 để thực hiện dự án số tiền là 659.631.000.000 đồng.

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp)

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0611/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 06/11/2020 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Green Island, số tiền góp vốn là 16.000.000.000 đồng tương đương 20% vốn điều lệ.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 1203/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/03/2021 về việc tăng góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Green Island. Vốn đã góp tại Công ty Cổ phần Green Island 16.000.000.000 đồng tăng lên: 40.000.000.000 đồng chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Green Island.
- Hiện tại, dự án "Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island" đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

(7) Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.
- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên được chấp thuận chủ trương đầu tư: "Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp" theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 2610/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 26/10/2022 về việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên; số cổ phần nhận chuyển nhượng là 3.300.000 cổ phần với giá trị 10.000 đồng/ cổ phần tương ứng với 33.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG sở hữu 4.800.000 cổ phần tương ứng với số tiền góp vốn là 48.000.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên.

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2610/HĐCNCP ký ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần PJACA GROUP với Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG; số lượng cổ phần chuyển nhượng là 3.300.000 cổ phần với giá trị 10.000 đồng/cổ phần tương ứng với 33.000.000.000 đồng.

- Hiện nay, Công ty đã khởi công dự án xây dựng và đang hoàn thành công tác xây dựng, đầu tư: "Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp".

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đặng Thị Tuyết Lan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**288.525.010.821**	**61.283.500**	**397.913.147.216**	**1.979.781.572**
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	72.183.181.769	-	68.573.421.429	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	46.528.879.805	-	76.898.548.966	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát	36.894.510.055	-	77.120.133.020	-
- Công ty CP Thương mại và Đầu tư HTV	32.883.224.220	-	32.883.224.220	-
- Công ty CP Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Đông Đô	24.614.146.091	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinahud	24.419.551.530	-	16.967.237.650	-
- Công ty CP Tập đoàn Trương Phạm	11.819.863.660	-	-	-
- Công ty CP Công Nghiệp miền Trung	10.946.750.196	-	6.560.005.185	-
- Công ty CP Meppro	-	-	24.421.501.589	-
- Công ty CP Kosy	-	-	21.699.470.005	-
- Công ty CP Pjaca Phú Yên	7.924.757.030	-	10.137.581.600	-
- Các khách hàng khác	20.310.146.465	61.283.500	62.652.023.552	1.979.781.572
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**288.525.010.821**	**61.283.500**	**397.913.147.216**	**1.979.781.572**

Phải thu khách hàng với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31.1*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**146.212.614.282**	**-**	**192.484.861.635**	**-**
- Công ty TNHH Vân Phong Holding	67.316.270.034	-	76.809.684.796	-
- Công ty Cổ phần Vân Phong Toàn Cầu	48.173.064.065	-	68.143.711.282	-
- Công ty CP Pjaca Group	20.173.987.326	-	4.470.910.455	-
- Các khoản trả trước khác	10.549.292.857	-	43.060.555.102	-
Cộng	**146.212.614.282**	**-**	**192.484.861.635**	**-**

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**130.090.519.253**	**-**	**13.637.847.764**	**-**
- Tạm ứng	-	-	9.697.750.000	-
- Ký cược, ký quỹ	120.368.972.051	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch	*120.368.972.051*	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi	16.415.529	-	3.939.657.533	-
- Phải thu khác	9.705.131.673	-	440.231	-
+ Bà Nguyễn Thu Hoài (*)	*9.697.750.000*	-	-	-
+ Các khoản khác	*7.381.673*	-	*440.231*	-
Cộng	**130.090.519.253**	**-**	**13.637.847.764**	**-**

Phải thu khác với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31.1*

(*) Hợp đồng cho mượn số 26062023/HĐ/MBG-NTH ngày 26/6/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG và Bà Nguyễn Thu Hoài với giá trị 9.697.750.000 đồng. Biện pháp bảo đảm là thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 377, 378, tờ bản đồ số 49, tại thôn Xuân Tự 1, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian cho mượn 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với lãi suất 10%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.312.688.588	-	25.625.245.627	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	134.904.937.002	-	168.276.410.298	-
Thành phẩm	38.640.915.415	-	38.289.730.655	-
Hàng hóa	162.909.666.035	-	98.344.804.093	-
Cộng	**348.768.207.040**	**-**	**330.536.190.673**	**-**

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí mua của các sản phẩm liền kề, shophouse, biệt thự đơn lập, song lập tại dự án The Empire Vinhomes Oceanpark2; và các dự án xây lắp khác.

10. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**7.617.231.028**	**7.617.231.028**	**7.617.231.028**	**7.617.231.028**
- Dự án khu dịch vụ thể thao, nhà ở, biệt thự nghỉ dưỡng sinh thái Quang Tiến tại xã Quang Tiến , TP Hòa Bình	5.688.845.249	5.688.845.249	5.688.845.249	5.688.845.249
- Dự án khu sinh thái nghỉ dưỡng Green Island	43.241.234	43.241.234	43.241.234	43.241.234
- Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, trải nghiệm và nuôi trồng thủy sản Đỗ Sơn	1.885.144.545	1.885.144.545	1.885.144.545	1.885.144.545
Cộng	**7.617.231.028**	**7.617.231.028**	**7.617.231.028**	**7.617.231.028**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**77.216.189**	**-**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.538.182	-
- Các khoản khác	75.678.007	-
Dài hạn	**6.508.657.432**	**8.755.986.481**
- Chi phí sửa chữa văn phòng, giao dịch	6.365.926.804	8.612.724.496
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	125.105.628	143.261.985
- Các khoản khác	17.625.000	-
Cộng	**6.585.873.621**	**8.755.986.481**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	**200.340.000**	**200.340.000**
30/06/2023	**200.340.000**	**200.340.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	**(12.781.548)**	**(12.781.548)**
- Khấu hao trong kỳ	(26.712.000)	(26.712.000)
30/06/2023	**(39.493.548)**	**(39.493.548)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	**187.558.452**	**187.558.452**
30/06/2023	**160.846.452**	**160.846.452**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	**21.578.921.664**	**57.903.970.000**	**6.506.968.727**	**35.000.000**	**86.024.860.391**
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
30/06/2023	**21.578.921.664**	**57.903.970.000**	**6.506.968.727**	**35.000.000**	**86.024.860.391**
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	**(12.121.324.988)**	**(24.202.745.046)**	**(2.558.630.823)**	**(35.000.000)**	**(38.917.700.857)**
- . Khấu hao trong kỳ	(1.094.193.318)	(3.830.083.566)	(435.977.268)	-	(5.360.254.152)
30/06/2023	**(13.215.518.306)**	**(28.032.828.612)**	**(2.994.608.091)**	**(35.000.000)**	**(44.277.955.009)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	**9.457.596.676**	**33.701.224.954**	**3.948.337.904**	**-**	**47.107.159.534**
30/06/2023	**8.363.403.358**	**29.871.141.388**	**3.512.360.636**	**-**	**41.746.905.382**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 3.512.360.636 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.208.241.454 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	**-**	**48.806.255.963**	**-**	**48.806.255.963**
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	48.806.255.963		48.806.255.963
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	**-**	**6.778.647**	**-**	**6.778.647**
- Nhà và quyền sử dụng đất		6.778.647		6.778.647
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	**-**	**48.799.477.316**	**-**	**48.799.477.316**
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	48.799.477.316	-	48.799.477.316

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**-**	**-**	**29.724.464.940**	**29.724.464.940**
- Công ty Cổ phần Bất động sản AZ	-	-	16.956.314.960	16.956.314.960
- Công ty TNHH VIDECO Hà Thành	-	-	11.043.687.980	11.043.687.980
- Các khách hàng khác	-	-	1.724.462.000	1.724.462.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**-**	**-**	**29.724.464.940**	**29.724.464.940**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**8.880.169.804**	**8.880.169.804**	**12.953.521.170**	**12.953.521.170**
- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	8.765.008.610	8.765.008.610	8.765.008.610	8.765.008.610
- Công ty TNHH Ánh sáng Tiến Dư	-	-	4.157.924.560	4.157.924.560
- Các khách hàng khác	115.161.194	115.161.194	30.588.000	30.588.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**8.880.169.804**	**8.880.169.804**	**12.953.521.170**	**12.953.521.170**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.224.572.453	1.533.444.620	23.224.572.455	1.533.444.618
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.727.154	4.195.192	3.531.962
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	23.224.572.453	**1.547.171.774**	**23.234.767.647**	**1.536.976.580**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**35.547.633.304**	**35.547.633.304**	**35.232.650.000**	**54.856.150.004**	**55.171.133.308**	**55.171.133.308**
Vay ngân hàng	***35.000.000.000***	***35.000.000.000***	***35.000.000.000***	***54.500.000.000***	***54.500.000.000***	***54.500.000.000***
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (1)	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	-	19.500.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	***547.633.304***	***547.633.304***	***232.650.000***	***356.150.004***	***671.133.308***	***671.133.308***
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (2)	82.333.304	82.333.304	-	123.500.004	205.833.308	205.833.308
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (3)	465.300.000	465.300.000	232.650.000	232.650.000	465.300.000	465.300.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**736.725.000**	**736.725.000**	**-**	**232.650.000**	**969.375.000**	**969.375.000**
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ (3)	736.725.000	736.725.000	-	232.650.000	969.375.000	969.375.000
Cộng	**36.284.358.304**	**36.284.358.304**	**35.232.650.000**	**55.088.800.004**	**56.140.508.308**	**56.140.508.308**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp)

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 84255.22.051.1970764 ngày 10/10/2022 với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng trong đó hạn mức cho vay là: 35.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 15.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ thời điểm giao kết hợp đồng đến ngày 19/08/2023. Lãi suất: Theo từng lần giải ngân. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện thường xuyên của khách hàng.

Tài sản đảm bảo:

- Động sản: Hàng tồn kho luân chuyển của khách hàng và Quyền đòi nợ hình thành từ các Hợp đồng kinh tế.
- Bất động sản: Bất động sản theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 980682, do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011 và các tài sản hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng mua bán nhà ở riêng lẻ giữa CN tại Hưng Yên – Công ty CP Vinhomes và Công ty CP Tập đoàn MBG.

(2) Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam. Giá trị khoản vay: 988.000.000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất: 6,99%/năm áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen.

Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 48 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán hàng tháng là 20.583.334 đồng.

(3) Hợp đồng vay số 6967.21.051.1970764 ngày 02/02/2021 với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên Phủ. Hạn mức vay: 2.326.500.000 đồng. Thời gian vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng bán hàng số: HAN2021-0004 ký ngày 21/01/2021 giữa chi nhánh Công ty CP Liên Á Quốc tế và Công ty CP tập đoàn MBG.

Tài sản đảm bảo: xe ô tô; số khung: WAUZZZ4MXLD015453; số máy: DCB210618; biển kiểm soát 30G-859.54 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp.

Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa: 55%.

Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 60 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán hàng tháng là 38.775.000 đồng.

Tính đến ngày 04/8/2023, Khoản vay trên đã được tất toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**13.028.736.562**	**13.019.923.791**
- Kinh phí công đoàn	39.459.743	30.846.943
- Bảo hiểm xã hội	199.971	-
- Phải trả về hợp đồng liên danh:	12.989.076.848	12.989.076.848
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	12.574.345.048	12.574.345.048
+ Công ty Cổ phần Constrexim số 1	414.731.800	414.731.800
Dài hạn	**400.000.000**	**-**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	400.000.000	-
Cộng	**13.428.736.562**	**13.019.923.791**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	**723.552.780.000**	**(105.794.733)**	**2.950.219.860**	**89.137.896.242**	**815.535.101.369**
- Tăng vốn trong năm trước	478.632.620.000	(132.407.407)	-	-	478.500.212.593
- Lãi trong năm trước	-	-	-	100.262.318.233	100.262.318.233
- Phân phối lợi nhuận	-	-	2.460.633.587	(81.913.464.783)	(79.452.831.196)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*2.460.633.587*	*(2.460.633.587)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(820.211.196)*	*(820.211.196)*
+ Chia cổ tức	-	-	-	*(78.632.620.000)*	*(78.632.620.000)*
31/12/2022	**1.202.185.400.000**	**(238.202.140)**	**5.410.853.447**	**107.486.749.692**	**1.314.844.800.999**
01/01/2023	**1.202.185.400.000**	**(238.202.140)**	**5.410.853.447**	**107.486.749.692**	**1.314.844.800.999**
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	5.871.662.658	5.871.662.658
- Phân phối lợi nhuận	-	-	3.012.836.374	(4.017.115.164)	(1.004.278.790)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*3.012.836.374*	*(3.012.836.374)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(1.004.278.790)*	*(1.004.278.790)*
30/06/2023	**1.202.185.400.000**	**(238.202.140)**	**8.423.689.821**	**109.341.297.186**	**1.319.712.184.867**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.202.185.400.000	723.552.780.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	400.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.202.185.400.000	1.123.552.780.000
- **Cổ tức, lợi nhuận đã chia**	-	-

20.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.218.540	120.218.540
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu phổ thông	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu phổ thông	120.218.540	120.218.540
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

20.4 CÁC QUỸ

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.423.689.821	5.410.853.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu	**274.408.891.138**	**564.069.754.458**
- Doanh thu bán hàng	243.617.130.491	493.330.449.202
- Doanh thu sản xuất, dịch vụ xây lắp	30.491.760.647	70.739.305.256
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	300.000.000	-
Cộng	**274.408.891.138**	**564.069.754.458**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31.1*

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	237.083.515.762	447.985.966.375
- Giá vốn xây lắp	25.922.877.823	55.502.334.585
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.778.647	-
Cộng	**263.013.172.232**	**503.488.300.960**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.348.167.478	1.499.657.619
- Lãi từ chuyển nhượng vốn	-	5.360.000.000
Cộng	**1.348.167.478**	**6.859.657.619**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.740.044.478	609.782.426
Cộng	**1.740.044.478**	**609.782.426**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**3.216.239.378**	**3.711.667.408**
- Chi phí nhân viên quản lý	1.556.423.095	861.088.221
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.286.244.678	1.415.356.404
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	615.161.604	656.449.602
- Thuế, phí và lệ phí	30.300.000	29.300.000
- Chi phí dự phòng	(1.918.498.072)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.289.073	322.204.048
- Chi phí bằng tiền khác	103.319.000	427.269.133
Các khoản chi phí bán hàng	**382.493.712**	**288.966.155**
- Chi phí nhân viên	380.098.444	288.966.155
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.395.268	-
Cộng	**3.598.733.090**	**4.000.633.563**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	1.538	105.158.482
Cộng	**1.538**	**105.158.482**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.405.107.278**	**62.725.536.646**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**262.115.822**	**355.272.766**
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	214.114.284	214.114.284
- Các khoản chi phí (phạt)	1.538	105.158.482
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	48.000.000	36.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	**7.667.223.100**	**63.080.809.412**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.533.444.620	12.616.161.883
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.533.444.620**	**12.616.161.883**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	63.160.968.558	292.924.778.527
- Chi phí nhân công	2.223.635.585	3.027.825.200
- Khấu hao tài sản cố định	5.393.744.799	5.370.476.393
- Chi phí dự phòng	(1.918.498.072)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.925.556.019	1.829.160.450
- Chi phí bằng tiền khác	234.245.487	862.881.054
Cộng	**72.019.652.376**	**304.015.121.624**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Đơn vị tính: VND

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: kinh doanh thương mại, dịch vụ xây lắp,…

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Xây lắp	Dịch vụ	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	243.617.130.491	30.491.760.647	300.000.000	274.408.891.138
Khấu hao và chi phí phân bổ	237.042.958.083	29.668.919.942	291.904.298	267.003.782.322
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**6.574.172.408**	**822.840.705**	**8.095.702**	**7.405.108.816**
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	909.577.121.607	113.845.064.287	1.120.090.102	1.024.542.275.996
Tài sản không phân bổ				358.014.769.587
Tổng tài sản				1.382.557.045.583
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	53.649.289.231	6.714.886.112	66.065.907	60.430.241.250
Nợ phải trả không phân bổ				2.414.619.466
Tổng nợ phải trả				62.844.860.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Đơn vị tính: VND)

Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Đầu tư MBG - Confitech	Công ty con
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ Ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là Ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Green Island	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Người đại diện pháp luật là Ông Phạm Mạnh Cường - Anh trai Ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật MBG
- Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tiện	Mẹ vợ Ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Vợ Ông Phạm Huy Thành - Thành viên HĐQT đồng thời là Phó Tổng giám đốc Công ty
- Ông Phạm Mạnh Cường	Anh trai Ông Phạm Huy Thành - Người đại diện pháp luật MBG

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Số dư	30/06/2023	01/01/2023
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Phải thu khách hàng ngắn hạn	7.924.757.030	10.137.581.600
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung	Phải thu khách hàng ngắn hạn	10.946.750.196	6.560.005.185
- Ông Phạm Mạnh Cường	Phải thu ngắn hạn khác	-	9.697.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
- Công ty Cổ phần Pjaca Phú Yên	Bán hàng hóa, dịch vụ (không gồm VAT)	7.204.324.573
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	10.137.581.600
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung	Bán hàng hóa, dịch vụ (không gồm VAT)	11.951.591.087
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	8.760.005.185
- Công ty CP Vcado Global	Bán hàng hóa, dịch vụ (không gồm VAT)	600.000.000
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	660.000.000
- Ông Phạm Huy Thành	Thuê văn phòng	120.000.000
	Thanh toán tiền thuê văn phòng	120.000.000
- Bà Đặng Thị Tiện	Thuê văn phòng	48.000.000
- Ông Phạm Mạnh Cường	Hoàn ứng	9.697.750.000

Thu nhập của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Thu nhập của Hội đồng quản trị	**72.000.000**	**72.000.000**
Phạm Huy Thành	24.000.000	24.000.000
Đặng Thị Tuyết Lan	12.000.000	12.000.000
Vương Bảo Yến	12.000.000	12.000.000
Trần Thúy Loan	12.000.000	12.000.000
Dương Quang Đông	12.000.000	12.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	**24.000.000**	**24.000.000**
Phạm Tuyết Nhung	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Thị Mai	6.000.000	6.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	**214.562.923**	**195.140.738**
Phạm Huy Thành	89.392.769	81.288.887
Đặng Thị Tuyết Lan	76.512.000	62.407.406
Dương Quang Đông	48.658.154	51.444.445
Cộng	**310.562.923**	**291.140.738**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

31.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Quyên	Nguyễn Thị Tuyết	Phạm Huy Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NĂM 2022

- Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 1005/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn; Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu với các nhà đầu tư chiến lược và đã hoàn thành việc chào bán thành công.
- Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 400.000.000.000 đồng. Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành như sau: Thanh toán cho các nhà thầu phụ thực hiện các dự án sau: "Nhà máy nhựa và bao bì cao cấp PJACA Phú Yên", "Khu vui chơi giải trí Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh", "Nhà máy sản xuất lắp ráp thiết bị điện" và thanh toán tiền mua linh kiện, nguyên liệu sản xuất đèn chiếu sáng.
- Phương án sử dụng vốn sau phát hành đã được thông qua theo; Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0612/2021/NQ-HĐQT ngày 06/12/2021; Nghị quyết HĐQT số 1901/2022/NQ-HĐQT ngày 19/01/2022.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và Nghị quyết Hội đồng Quản trị nói trên, tổng số vốn thu được sau phát hành cổ phiếu (chưa trừ chi phí phát hành) được sử dụng cho các mục đích sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung thanh toán	Kế hoạch	Thực hiện		Chênh lệch	Ghi chú
			Giá trị tạm ứng theo hợp đồng	Giá trị đã hoàn thành theo hóa đơn, chứng từ		
1	Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: nhà máy nhựa và bao bì cao cấp PJACA Phú Yên	40.000.000.000	40.000.000.000	17.069.176.069	22.930.823.931	Đang thực hiện
2	Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Khu vui chơi giải trí Công ty Cổ phần Quốc Bảo Vạn Ninh	20.000.000.000	20.000.000.000	28.590.000.000	(8.590.000.000)	Đã hoàn thành
3	Thanh toán tiền mua linh kiện, nguyên liệu sản xuất đèn chiếu sáng	50.000.000.000	50.000.000.000	56.255.637.438	(6.255.637.438)	Đã hoàn thành
4	Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Nhà máy sản xuất lắp ráp thiết bị điện Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	90.000.000.000	90.000.000.000	22.683.729.966	67.316.270.034	Đang thực hiện
5	Thanh toán tiền mua vật tư hàng hóa thép không gỉ, thép mạ màu các loại	200.000.000.000	200.000.000.000	225.478.192.864	(25.478.192.864)	Đã hoàn thành
	Cộng	**400.000.000.000**	**400.000.000.000**	**350.076.736.337**	**49.923.263.663**	

Phần chênh lệch giữa giá trị thực hiện và tổng số tiền thu được từ đợt phát hành được Công ty bù đắp bằng các nguồn khác.

Thuyết minh chi tiết tình hình sử dụng vốn như sau:

1. **Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: nhà máy nhựa và bao bì cao cấp PJACA Phú Yên theo hợp đồng số 01101/2021/HDKT/VIDECO-MBG ngày 01/10/2021 và hợp đồng số: 0112/2021/HDKT/VIDECO-MBG ngày 01/12/2021.**

   + Theo kế hoạch: 40.000.000.000 đồng

   + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp: 40.000.000.000 đồng

   + Thực tế sử dụng: 17.069.176.069 đồng

   (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 17.069.176.069 đồng)

2. **Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Khu vui chơi giải trí Công ty Quốc Bảo Vạn Ninh theo hợp đồng số: 170101/2021/KKTH-MBG ngày 01/06/2021.**

   + Theo kế hoạch: 20.000.000.000 đồng

   + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp: 20.000.000.000 đồng

   + Thực tế sử dụng: 28.590.000.000 đồng

   (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 20.000.000.000 đồng, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị 8.590.000.000 đồng).

3. **Thanh toán tiền mua linh kiện, nguyên liệu sản xuất đèn chiếu sáng theo hợp đồng số 120501/2022/HĐKT/VPTC-MBG ngày 12/05/2022.**

   + Theo kế hoạch: 50.000.000.000 đồng

   + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp: 50.000.000.000 đồng

   + Thực tế sử dụng: 56.255.637.438 đồng

   (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 50.000.000.000 đồng, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị 6.255.637.438 đồng).

4. **Thanh toán cho nhà thầu phụ, cung cấp vật tư thực hiện tổng thầu EPC thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công dự án: Nhà máy sản xuất lắp ráp thiết bị điện theo các hợp đồng, cụ thể như sau: Hợp đồng số 01122/2020/HĐTTXD/MBG-VANPHONG ngày 01/12/2021 và hợp đồng số 01121/2021/HĐTTXD/ HOLDING-MBG ngày 01/12/2021.**

   + Theo kế hoạch: 90.000.000.000 đồng

   + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp: 90.000.000.000 đồng

   + Thực tế sử dụng: 22.683.729.966 đồng

   (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 22.683.729.966 đồng)

5. **Thanh toán tiền mua vật tư hàng hóa thép không gỉ, thép mạ màu các loại theo Hợp đồng 120502/HĐKT/2022/PJACA-MBG ngày 02/05/2022; hợp đồng số 120503/HĐKT/2022/PJACA-MBG ngày 03/05/2022 và hợp đồng số 120504/HĐKT/2022/PJACA-MBG ngày 04/05/2022.**

   + Theo kế hoạch: 200.000.000.000 đồng

   + Đã chuyển tiền cho nhà cung cấp: 200.000.000.000 đồng

   + Thực tế sử dụng: 225.478.192.864 đồng

   (Trong đó sử dụng từ nguồn tăng vốn: 200.000.000.000 đồng, sử dụng từ nguồn khác tại đơn vị 25.478.192.864 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21081/CV-MBG	----------
(V/v: BCTC 6 tháng đầu năm 2023 đã kiểm toán và giải trình chênh lệch lợi nhuận)	Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: **- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG**
Mã chứng khoán: **MBG**
Địa chỉ trụ sở chính: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.
Địa chỉ VPGD: Số 9 ngách 61/4 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Điện thoại: 024.36447655
Người thực hiện công bố thông tin: **Đặng Thị Tuyết Lan**
Địa chỉ VPGD: Số 9 ngách 61/4 Phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Điện thoại: 024.36447655
Loại thông tin công bố: ☐24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung công bố (*):
Thực hiện việc công bố thông tin theo thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc lập công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 đã được kiểm toán biến động giảm hơn 10 % so với 6 tháng đầu năm 2022. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2022: **50.109.374.763** đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN Năm 2023: **5.871.662.658** đồng.

Chênh lệch giảm so với 6 tháng đầu năm trước do các nguyên nhân sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**274.408.891.138**	**564.069.754.458**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**274.408.891.138**	**564.069.754.458**

4. Giá vốn hàng bán	**263.013.172.232**	**503.488.300.960**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**11.395.718.906**	**60.581.453.498**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**1.348.167.478**	**6.859.657.619**
7. Chi phí tài chính	**1.740.044.478**	**609.782.426**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	**1.740.044.478**	**609.782.426**
8. Chi phí bán hàng	**382.493.712**	**288.966.155**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**3.216.239.378**	**3.711.667.408**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**7.405.108.816**	**62.830.695.128**
11. Thu nhập khác	**-**	**-**
12. Chi phí khác	**1.538**	**105.158.482**
13. Lợi nhuận khác	**-1.538**	**-105.158.482**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.405.107.278**	**62.725.536.646**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.533.444.620**	**12.616.161.883**
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**-**	**-**
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**5.871.662.658**	**50.109.374.763**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)		

- Doanh thu bán hàng 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 là 289.660.863.320 đồng tương đương với tỷ lệ giảm 51,35%. Do biến động của thị trường các sản phẩm liên quan đến bất động sản, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, xây dựng… dẫn đến Công ty ký kết được ít hợp đồng kinh tế nên doanh thu thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.
- Giá vốn 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 là 240.475.128.728 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 47,76 %.
- Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 là 5.511.490.141 đồng tương đương với tỷ lệ giảm 80,35%.
- Chi phí hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với 6 tháng đầu năm 2022 là 1.130.262.052 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 185,35%.
- Chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với 6 tháng đầu năm 2022 là 93.527.557 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 32,37%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 là 495.428.030 đồng tương đương với tỷ lệ giảm 13,35%.
- Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm 6 tháng đầu năm 2023 của công ty.
- Các thông tin trên đã được Chúng tôi đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/08/2023 tại trang web: http//www.mbg.vn./co-dong/Cong-bo-thong-tin/

Công ty cổ phần tập đoàn MBG cam kết nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *HĐQT, BTGĐ, BKS (b/c);*
- *CBTT (Website);*
- *Lưu HC, TCKT.*

M.S.D.N: 0102382580 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG - Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Huy Thành